

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2020/HS-PT

Ngày: 28-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quân Vương;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Huỳnh Đức;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 33/2020/TLPT-HS ngày 14 tháng 4 năm 2020 đối với các bị cáo Nguyễn Đình B, Lê Vũ L. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 21/01/2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Đình B, sinh năm 1990 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã P, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; tạm trú: Nhà trọ Trần Ngọc T, Ấp 1, xã (nay là phường) H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị Thúy P; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Lê Vũ L, sinh năm 1991 tại tỉnh Cà Mau; hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau; tạm trú: nhà trọ Nguyễn Quang H, Ấp 1, xã (nay là phường) H, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: không đi học; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; con ông Lê Quang H và bà Lê Thị L (đã chết), vợ tên Hoàng Thị P, có 02 con sinh năm 2017 và 2019; tiền án, tiền

sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/9/2019 đến ngày 05/10/2019, sau đó bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Trong vụ án còn có 01 bị hại nhưng không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Đình B, Lê Vũ L và Hoàng Văn T cùng làm công nhân tại Công ty TNHH Phụ Liệu Giày Y, thuộc Lô B1, đường N5, Khu công nghiệp N mở rộng, xã xã (nay là phường) H, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 07 giờ ngày 27/9/2019, L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu S, biển số 72G1- 569.11 chở B đi từ phòng trọ đến Công ty TNHH Phụ Liệu Giày Y để làm việc. Khi đến nơi, L đậu xe trong khu vực nhà xe của công ty kế bên xe mô tô nhãn hiệu H, chưa gắn biển số của Nguyễn Trần Thùy D; B nhìn thấy bên trong cốp trước bên trái (hộc xe bên trái) xe mô tô của bà Nguyễn Trần Thùy D có để một điện thoại di động nhãn hiệu O, màu đỏ, ốp lưng màu hồng, mặt ngoài có hình Đôreamon nên nảy sinh ý định chiếm đoạt điện thoại của bà D; B nói với L “có điện thoại kia, lấy đi”. B liền đi ra phía ngoài nhà xe đứng canh giữ để cho L thực hiện hành vi chiếm đoạt điện thoại của bà D, nếu có người đi qua thì B sẽ báo cho L biết, L quan sát không thấy người qua lại nên dùng tay phải lấy điện thoại của bà D bỏ vào túi quần bên trái rồi cùng với B đi vào khu vực nhà xưởng của công ty để làm việc. Trên đường đi, L đưa điện thoại cho B, B tắt nguồn điện thoại và đem cất giấu vào tủ đựng đồ ở bên trong xưởng nơi B làm việc. Sau khi cất giấu điện thoại xong, B nói với L tìm người cất giữ giùm điện thoại, L nhìn thấy T đi ngang qua nên nhờ T cất giữ điện thoại và nói với T bao giờ cần sẽ lấy lại. Đến khoảng 07 giờ 20 phút cùng ngày, bà Dương phát hiện để quên điện thoại ngoài xe nên đến khu vực nhà xe để lấy điện thoại nhưng không thấy nên báo quản lý công ty biết, qua kiểm tra camera khu vực nhà xe của công ty phát hiện L đã lấy điện thoại của bà Dương nên bà D đến Đồn Công an Khu công nghiệp thị xã T trình báo việc mất tài sản. Đồn Công an Khu công nghiệp thị xã T đã mời L, B đến để làm việc và L, B khai nhận hành vi chiếm đoạt điện thoại của bà Nguyễn Trần Thùy D.

Đồn Công an Khu công nghiệp thị xã T tiến hành lập biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu liên quan gồm: 01 điện thoại di động hiệu O, màu đỏ; 01 ốp lưng điện thoại di động hiệu O, bằng nhựa, mặt trong có màu trắng, mặt ngoài màu hồng có hình doremon (do Nguyễn Trần Thùy D giao nộp); 01 áo thun trắng có hình phân vai và đầu người phía trước ngực, 01 quần dài màu đen, loại quần tây (do Lê Vũ L giao nộp); 01 áo thun màu tím, phía trước có hình miệng cười và chữ “THA”, 01 quần short màu kem, phía trước đùi trái có biểu tượng và dòng chữ “adidas” màu đen (do Nguyễn Đình B giao nộp).

Đồn Công an Khu công nghiệp thị xã T tiến hành lập hồ sơ ban đầu và chuyển hồ sơ, vật chứng cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T, tỉnh Bình Dương thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 271/KLTS-TTHS ngày 02/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu O màu đỏ, imeil 869383035138874, đã qua sử dụng trị giá 4.690.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại di động hiệu O, bằng nhựa, mặt trong có màu trắng, mặt ngoài màu hồng có hình doremon đã qua sử dụng trị giá 30.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chiếm đoạt là 4.720.000 đồng. Ngày 10/10/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã trả lại tài sản nêu trên cho bà Nguyễn Trần Thùy D.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 21/01/2020 của Toà án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Đình B và Lê Vũ L phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình B 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

Tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Nguyễn Đình B.

2.2. Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Vũ L 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/9/2019 đến ngày 05/10/2019.

Tiếp tục duy trì việc áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo Lê Vũ L.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 31/01/2020, bị cáo Lê Vũ L làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 03/02/2020, bị cáo Nguyễn Đình B làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Đình B, Lê Vũ L là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo. Xét thấy, tuy các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ nào mới nhưng các bị cáo có nhân thân tốt; chưa có tiền án, tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận.

Các bị cáo Nguyễn Đình B, Lê Vũ L nói lời sau cùng: mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình B và Lê Vũ L được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Đình B, Lê Vũ L đã khai nhận hành vi phạm tội thống nhất như nội dung bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, có đủ cơ sở xác định: ngày 27/9/2019, tại Công ty TNHH Phụ Liệu Giày Y thuộc Ấp 1, xã (nay là phường) H, thị xã T, tỉnh Bình Dương, các bị cáo Nguyễn Đình B và Lê Vũ L lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của bà Nguyễn Trần Thùy D đã lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệu O màu đỏ có giá trị 4.690.000 đồng; 01 ốp lưng điện thoại di động hiệu O, bằng nhựa, có giá trị 30.000 đồng; tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 4.720.000 đồng. Hành vi của các bị cáo thực hiện đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh như nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật B vệ; ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo nhận thức được việc chiếm đoạt tài sản của công dân là vi phạm pháp luật và sẽ bị trừng trị nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi, các bị cáo đã bất chấp hậu quả, cố ý thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật. Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình theo quy định của pháp luật.

[4] Các bị cáo Nguyễn Đình B và Lê Vũ L kháng cáo xin được hưởng án treo, xét thấy: các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi giao trả cho bị hại, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; có nhân thân tốt thể hiện ở việc chưa có tiền án tiền sự; có nơi cư trú rõ ràng: đăng ký tạm trú tại Ấp 1, xã (nay là phường) H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. Trường hợp của các bị cáo đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự và Điều 2 của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/6/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo. Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo Nguyễn Đình B và Lê Vũ L có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cần tạo điều kiện cho các bị cáo cải tạo, sửa chữa bản thân dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi cư trú; đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội biết ăn năn, hối cải, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong xử lý người phạm tội. Do đó, kháng cáo xin được hưởng án treo của các bị cáo là có cơ sở xem xét.

[5] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị sửa bản án sơ thẩm, cho các bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[6] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Án phí hình sự phúc thẩm: do yêu cầu kháng cáo của bị cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Đình B và Lê Vũ L. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 12/2020/HS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương về biện pháp chấp hành hình phạt.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; các Điều 38, 58 và 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình B 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày 28/4/2020.

Xử phạt bị cáo Lê Vũ L 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày 28/4/2020.

Giao các bị cáo Nguyễn Đình B và Lê Vũ L cho Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) H, thị xã T, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo Nguyễn Đình B và Lê Vũ L thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo Nguyễn Đình B và Lê Vũ L không phải nộp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;	1
- TAND thị xã T;	2
- VKSND thị xã T;	1
- Chi cục THADS thị xã T;	1
- Phòng PV06 Công an tỉnh BD;	1
- Công an thị xã T;	3
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;	1
- Bị cáo;	2
- Tổ Hành chính Tư pháp;	2
- Lưu: HSVA, Tòa HS.	2

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

THẨM PHÁN THÀNH VIÊN	THẨM PHÁN CHỦ TỌA
	Lê Quân Vương